**MỤC LỤC**

[1. Mô tả use case Thêm nhà cung cấp 2](#_Toc490295377)

[2. Mô tả use case Sửa nhà cung cấp 2](#_Toc490295378)

[3. Mô tả use case Xóa nhà cung cấp 3](#_Toc490295379)

[4. Mô tả use case Lập phiếu nhập hàng 4](#_Toc490295380)

[5. Mô tả use case Lập phiếu yêu cầu mua hàng 4](#_Toc490295381)

[6. Mô tả use case Báo cáo tồn kho 5](#_Toc490295382)

[7. Mô tả use case In báo cáo tồn kho 6](#_Toc490295383)

[8. Mô tả use case Báo cáo bán hàng 6](#_Toc490295384)

[9. Mô tả use case In báo cáo sản phẩn bán chạy 7](#_Toc490295385)

**1. Mô tả use case Thêm nhà cung cấp**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho thêm nhà cung cấp mới. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý nhà cung cấp  2. Nhân viên quản lý kho nhập thông tin nhà cung cấp mới  3. Nhân viên quản lý kho chọn nút **THÊM**  4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin nhập vào  5. Hệ thống tiến hành lưu thông tin nhà cung cấp mới vào CSDL (bảng NHACUNGCAP)  6. Hệ thống cập nhật lại danh sách Nhà cung cấp và hiển thị lại trên giao diện |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông tin nhà cung cấp sai hoặc không đầy đủ: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để nhập lại  2. Thông tin nhà cung cấp mới trùng với nhà cung cấp khác đã có trong CSDL: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để nhập lại  3. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Quản lý nhà cung cấp: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của nhà cung cấp mới được lưu vào CSDL (bảng NHACUNGCAP), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi.  2. Hệ thống phải ở trạng thái sẵn sàng để thêm, sửa, xóa một nhà cung cấp khác |

**2. Mô tả use case Sửa nhà cung cấp**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho sửa thông tin của nhà cung cấp đã tồn tại trong CSDL. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý nhà cung cấp  2. Nhân viên quản lý kho chọn một nhà cung cấp cần chỉnh sửa thông tin từ danh sách nhà cung cấp  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của nhà cung cấp  4. Nhân viên quản lý kho nhập lại các thông tin cần chỉnh sửa của nhà cung cấp  5. Nhân viên quản lý kho chọn nút **SỬA**  6. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin nhập vào  7. Hệ thống tiến hành cập nhật thông tin nhà cung cấp vào CSDL (bảng NHACUNGCAP)  8. Hệ thống cập nhật lại danh sách Nhà cung cấp và hiển thị lại trên giao diện |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông tin nhà cung cấp sai hoặc không đầy đủ: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để nhập lại  2. Thông tin nhà cung cấp vừa được chỉnh sửa trùng với nhà cung cấp khác đã có trong CSDL: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để nhập lại  3. Nhân viên quản lý kho không chọn bất kỳ nhà cung cấp nào để sửa: Hệ thống thông báo để nhân viên biết và chọn nhà cung cấp  4. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Quản lý nhà cung cấp: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin cập nhật của nhà cung cấp được lưu vào CSDL (bảng NHACUNGCAP), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi.  2. Hệ thống phải ở trạng thái sẵn sàng để thêm, sửa, xóa một nhà cung cấp khác |

**3. Mô tả use case Xóa nhà cung cấp**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho xóa nhà cung cấp đã tồn tại trong CSDL. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý nhà cung cấp  2. Nhân viên quản lý kho chọn một nhà cung cấp cần xóa  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của nhà cung cấp  3. Nhân viên quản lý kho chọn nút **XÓA**  4. Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu xác nhận xóa  5. Nhân viên quản lý kho chọn nút **CÓ**  6. Hệ thống tiến hành xóa toàn bộ thông tin nhà cung cấp trong CSDL (bảng NHACUNGCAP)  7. Hệ thống cập nhật lại danh sách Nhà cung cấp và hiển thị lại trên giao diện |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Không thể xóa nhà cung cấp: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết  2. Nhân viên quản lý kho không chọn bất kỳ nhà cung cấp nào để xóa: Hệ thống thông báo để nhân viên biết và chọn nhà cung cấp  3. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện xóa nhà cung cấp: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của nhà cung cấp được xóa khỏi CSDL (bảng NHACUNGCAP), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi  2. Hệ thống phải ở trạng thái sẵn sàng để thêm, sửa, xóa một nhà cung cấp khác |

**4. Mô tả use case Lập phiếu nhập hàng**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Lập phiếu nhập hàng. Use case cho phép nhân viên quản lý kho nhập thông tin của đợt nhập hàng hiện tại và lưu thành một phiếu nhập hàng |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện lập phiếu nhập hàng  2. Nhân viên quản lý kho chọn phiếu mua hàng (đã duyệt) cho đợt nhập hàng hiện tại  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của phiếu mua hàng  4. Hệ thống tự sinh một số thông tin của phiếu nhập: Ngày lập phiếu (lấy theo thời gian thực), Nhân viên lập phiếu (lấy theo mã nhân viên đang đăng nhập)  5. Nhân viên quản lý kho chọn nút **LẬP PHIẾU NHẬP**  6. Hệ thống tự tạo ra mã phiếu nhập hàng  7. Hệ thống tiến hành lưu thông tin phiếu nhập hàng vào CSDL (bảng PHIEUNHAP) |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho không chọn 1 phiếu mua hàng (đã duyệt): Hệ thống thông báo cho nhân viên biết, phải chọn một phiếu mua hàng.  2. Nhân viên quản lý kho chọn 1 phiếu mua hàng đã được lập phiếu nhập hàng: Hệ thống thông báo cho nhiên viên biết phiếu này đã được tạo 1 phiếu nhập hàng rồi  3. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện lập phiếu nhập hàng: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu  2. Phải có ít nhất một phiếu mua hàng (đã duyệt) và chưa được tạo phiếu nhập hàng tương ứng |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của phiếu nhập hàng được lưu vào CSDL (bảng PHIEUNHAP), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

**5. Mô tả use case Lập phiếu yêu cầu mua hàng**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Yêu cầu mua hàng. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho nhập thông tin của các hàng hóa cần mua và lưu thành phiếu yêu cầu mua hàng |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu mua hàng  2. Hệ thống tự sinh một số thông tin của phiếu yêu cầu mua hàng: Ngày lập phiếu (lấy theo thời gian thực), Nhân viên lập phiếu (lấy theo mã nhân viên đang đăng nhập), Tình trạng (mặc định là Đang chờ), Tổng tiền nhập (Tự tính dựa theo nguyên liệu và số lượng cần mua)  2. Nhân viên quản lý kho chọn một nhà cung cấp để hiển thị danh sách các nguyên liệu mà nhà cung cấp cung cấp cho cửa hàng  3. Nhân viên quản lý kho chọn từ danh sách nguyên liệu các nguyên liệu cần mua  4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của nguyên liệu  5. Nhân viên quản lý kho nhập vào số lượng cần mua và chọn nút **THÊM**  6. Hệ thống sẽ thêm nguyên liệu cùng số lượng vào phiếu yêu cầu mua hàng (tạm thời) và hiển thị nó cho nhân viên theo dõi các nguyên liệu nào đã được chọn  8. Nhân viên quản lý kho chọn nút **YÊU CẦU MUA HÀNG**  9. Hệ thống tự tạo ra mã phiếu yêu cầu mua hàng  10. Hệ thống tiến hành lưu thông tin phiếu yêu cầu mua hàng vào CSDL (bảng PHIEUMUAHANG) |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho không chọn nguyên liệu hoặc chọn nguyên liệu nhưng không nhập số lượng: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để nhập lại  2. Nhân viên quản lý kho không chọn bất kỳ nhà cung cấp nào: Hệ thống thông báo cho nhân viên biết để chọn lại.  3. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện lập phiếu yêu cầu mua hàng: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của phiếu yêu cầu mua hàng được lưu vào CSDL (bảng PHIEUMUAHANG), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

**6. Mô tả use case Báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Báo cáo tồn. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho xem báo cáo thống kê số lượng các nguyên liệu còn lại trong kho và lưu thành phiếu báo cáo tồn. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện báo cáo tồn  2. Hệ thống tự sinh một số thông tin của bản báo cáo tồn: Ngày lập báo cáo (lấy theo thời gian thực), Nhân viên lập báo cáo (lấy theo mã nhân viên đang đăng nhập)  3. Nhân viên quản lý kho chọn nút **LƯU BÁO CÁO**  4. Hệ thống tự tạo ra mã báo cáo tồn  5. Hệ thống tiến hành lưu thông tin báo cáo tồn vào CSDL (bảng BAOCAOTONKHO) |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Báo cáo tồn: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của báo cáo tồn được vào CSDL (bảng BAOCAOTONKHO), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

**7. Mô tả use case In báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Báo cáo tồn. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho in các báo cáo tồn đã được lưu vào CSDL trước đó. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện báo cáo tồn  2. Nhân viên quản lý kho chọn báo cáo cần in từ danh sách báo cáo tồn được hệ thống hiển thị lên giao diện  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của báo cáo tồn  4. Nhân viên quản lý kho chọn nút **IN BÁO CÁO**  5. Hệ thống hiển thị báo cáo dạng xem trước  6. Nhân viên quản lý kho chọn nút **IN**  7. Hệ thống tiến hành in báo cáo cho nhân viên thông qua máy in được kết nối |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho không chọn bất kỳ báo cáo tồn nào từ danh sách: Hệ thống tự động thêm báo cáo tồn tính đến thời điểm hiện tại và in báo cáo.  2. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Báo cáo tồn: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, báo cáo tồn được in |

**8. Mô tả use case Báo cáo bán hàng**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Báo cáo bán hàng. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho xem báo cáo thống kê về số lượng các sản phẩm được bán trong một khoảng thời gian và lưu thành phiếu báo cáo bán hàng. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện báo cáo bán hàng  2. Hệ thống tự sinh một số thông tin của bản báo cáo bán hàng: Ngày lập báo cáo (lấy theo thời gian thực), Nhân viên lập báo cáo (lấy theo mã nhân viên đang đăng nhập)  4. Nhân viên quản lý kho chọn thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc để xem báo cáo bán hàng trong khoảng thời gian đó  5. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm và số lượng bán được tương ứng  6. Nhân viên quản lý kho chọn nút **LƯU BÁO CÁO**  7. Hệ thống tự tạo ra mã báo cáo tồn  8. Hệ thống tiến hành lưu thông tin báo cáo tồn vào CSDL (bảng BAOCAOBANHANG) |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho chọn mốc thời gian kết thúc vượt quá ngày hiện tại hoặc quá lâu so với thời gian lưu trữ hóa đơn của hệ thống: Hệ thống thông báo để nhân viên biết và chọn lại.  2. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Báo cáo tồn: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, thông tin của báo cáo tồn được vào CSDL (bảng BAOCAOBANHANG), ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

**9. Mô tả use case In báo cáo sản phẩn bán chạy**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Use case này bắt đầu khi nhân viên quản lý kho chọn chức năng Báo cáo bán hàng. Use case sẽ cho phép nhân viên quản lý kho in các báo cáo bán hàng đã được lưu vào CSDL trước đó. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện báo cáo bán hàng  2. Nhân viên quản lý kho chọn báo cáo cần in từ danh sách báo cáo bán hàng được hệ thống hiển thị lên giao diện  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của báo cáo bán hàng  4. Nhân viên quản lý kho chọn nút **IN BÁO CÁO**  5. Hệ thống hiển thị báo cáo dạng xem trước  6. Nhân viên quản lý kho chọn nút **IN**  7. Hệ thống tiến hành in báo cáo cho nhân viên thông qua máy in được kết nối |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhân viên quản lý kho không chọn bất kỳ báo cáo bán hàng nào từ danh sách: Hệ thống hiển thị thông báo để nhân viên biết và chọn lại  2. Nhân viên quản lý kho chọn hủy phiên làm việc với giao diện Báo cáo tồn: Hệ thống thông báo để nhân viện xác nhận việc hủy phiên làm việc |
| **Tiền điều kiện:**  1. Nhân viên quản lý kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:**  1. Nếu use case thành công, báo cáo bán hàng được in |